

Số: 1564/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện học các học phần tiếng Anh chuyên ngành đối với sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao Khóa 8 dựa vào kết quả kiểm tra năng lực tiếng Anh giữa khóa năm 2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”; Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019; Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH ngày 07/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế quản lý học vụ chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”; Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Xét kết quả kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh giữa khóa năm 2022 và theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận đủ điều kiện đăng ký học các học phần tiếng Anh chuyên ngành đối với 245 sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao Khóa 8 dựa vào kết quả kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh giữa khóa năm 2022 có tên sau đây:

**(Danh sách đính kèm)**

**Điều 2.** Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trường Phòng Đào tạo, Trường Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng, Trường Phòng Tài chính - kế toán và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /k

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3: đề th/ hiện;
- P.KT&ĐBCL
- Lưu VP, Ban CLC (2b).



**DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ HỌC CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH  
ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO KHÓA 8  
DỰA VÀO KẾT QUẢ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH GIỮA KHÓA NĂM 2022**



(Ban hành kèm theo Quyết định: 1504 /QĐ-ĐHNH, ngày 07 / 7 /2022 của Hiệu trưởng)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
1	030136200043	Phạm Hồng Ân	22/05/2002	HQ8-GE05	4.5	3.5	8	4.5	5.0	Đạt
2	050608200241	Trần Mậu Tuấn	01/02/2002	HQ8-GE11	4.5	3.5	5	5	4.5	Đạt
3	050608200019	Trịnh Lê Tuyết	20/12/2002	HQ8-GE20	4.5	4.5	5.5	6	5.0	Đạt
4	050608200021	Võ Thị Lan	14/10/2002	HQ8-GE19	5	4	5.5	5	5.0	Đạt
5	050608200233	Nguyễn Huy Quang	29/08/2002	HQ8-GE12	4.5	3.5	7.5	5	5.0	Đạt
6	050608200231	Nguyễn Duyên	25/10/2002	HQ8-GE08	5	4	8	4.5	5.5	Đạt
7	050608200024	Trần Kim Khánh	10/02/2002	HQ8-GE15	4	4	8	4.5	5.0	Đạt
8	050608200026	Võ Thanh Chí	23/03/2002	HQ8-GE05	5	3	5	5	4.5	Đạt
9	050608200025	Trần Ngọc	16/04/2002	HQ8-GE12	5	3.5	5	6	5.0	Đạt
10	050608200249	Lê Thái	15/03/2002	HQ8-GE15	6	4.5	6.5	4	5.5	Đạt
11	050608200209	Nguyễn Phạm Hải	04/12/2002	HQ8-GE08	5	3	5.5	5	4.5	Đạt
12	050608200262	Nguyễn Phương	06/08/2002	HQ8-GE12	4	3.5	8	4.5	5.0	Đạt
13	050608200263	Hoàng Ngọc Thanh	17/10/2002	HQ8-GE13	5	4.5	8	5	5.5	Đạt
14	050608200267	Nguyễn Thị Cẩm	11/02/2002	HQ8-GE11	4	4	8.5	6	5.5	Đạt
15	050608200254	Mai Thị Kim	21/02/2002	HQ8-GE15	3.5	5	8	5.5	5.5	Đạt
16	050608200257	Mai Tuấn	05/11/2002	HQ8-GE03	4	3.5	7	2.5	4.5	Đạt
17	050608200258	Phạm Quốc	28/04/2002	HQ8-GE09	6	5	5.5	5	5.5	Đạt
18	030536200030	Nguyễn Minh	27/05/2002	HQ8-GE09	4.5	4	5.5	4.5	4.5	Đạt
19	050608200304	Nguyễn Huỳnh Ngọc	26/01/2002	HQ8-GE14	5	4	8	2	5.0	Đạt
20	050608200303	Lê Đàm Hải	28/06/2002	HQ8-GE12	5	4	8.5	4.5	5.5	Đạt
21	050608200269	Phạm Thanh	17/09/2002	HQ8-GE07	5	5	6	5.5	5.5	Đạt
22	050608200302	Nguyễn Tiến	01/04/2002	HQ8-GE11	6.5	4.5	5	5	5.5	Đạt
23	050608200305	Nguyễn Minh	16/09/2002	HQ8-GE10	5.5	4	4.5	3	4.5	Đạt
24	050608200275	Trần Thị Thùy	05/07/2002	HQ8-GE12	5	3	5	4.5	4.5	Đạt
25	050608200276	Bùi Tấn	21/12/2002	HQ8-GE03	5	5	5	4.5	5.0	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
26	050608200282	Trương Hoàng Nhật	Duy	27/08/2002	HQ8-GE17	4.5	6.5	6	5	5.5	Đạt
27	050608200287	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/01/2002	HQ8-GE02	4	3	7	4.5	4.5	Đạt
28	050608200291	Tổng Thị Mỹ	Duyên	27/02/2002	HQ8-GE15	3	2.5	8.5	5	5.0	Đạt
29	050608200311	Lường Thị Trúc	Giang	14/07/2002	HQ8-GE06	3	4.5	8.5	5	5.5	Đạt
30	050608200813	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/06/2002	HQ8-GE12	7	4.5	6	5.5	6.0	Đạt
31	050608200314	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	29/08/2002	HQ8-GE17	6	3.5	5.5	5	5.0	Đạt
32	050608200317	Nguyễn Thị Minh	Hà	13/07/2002	HQ8-GE12	6	3.5	5	5	5.0	Đạt
33	050608200318	Nguyễn Thị Minh	Hà	25/01/2002	HQ8-GE09	4.5	6	5.5	5	5.5	Đạt
34	050608200322	Vũ Quốc	Hải	05/11/2002	HQ8-GE09	5.5	6.5	5	6	6.0	Đạt
35	050608200049	Dư Gia	Hân	20/02/2002	HQ8-GE15	5	3.5	5	4	4.5	Đạt
36	050608200338	Lê Thị Ngọc	Hân	17/08/2002	HQ8-GE10	4.5	4	5	5	4.5	Đạt
37	050608200344	Võ Thị Ngọc	Hân	13/05/2002	HQ8-GE16	4	3.5	6	5	4.5	Đạt
38	050608200341	Nguyễn Gia	Hân	30/03/2002	HQ8-GE11	4	3.5	8.5	4.5	5.0	Đạt
39	050608200340	Nguyễn Bảo	Hân	14/01/2002	HQ8-GE01	5.5	6	7	2.5	5.5	Đạt
40	050608200339	Ngô Gia	Hân	01/01/2002	HQ8-GE01	5	6	6	6.5	6.0	Đạt
41	050608200328	Đình Thị Thu	Hằng	18/02/2002	HQ8-GE15	4.5	2.5	5.5	5	4.5	Đạt
42	050608200055	Nguyễn Khánh	Hằng	16/10/2002	HQ8-GE13	3	6	8	5	5.5	Đạt
43	050608200324	Lương Gia	Hào	14/02/2002	HQ8-GE11	4.5	2.5	5.5	5.5	4.5	Đạt
44	050608200060	Bùi Nguyễn Diệu	Hiền	23/05/2002	HQ8-GE05	3.5	5	5	4.5	4.5	Đạt
45	050608200062	Trần Thảo	Hiền	23/06/2002	HQ8-GE17	5	3	5	5	4.5	Đạt
46	030136200241	Trần Diệu	Hương	31/01/2002	HQ8-GE06	3.5	4	5.5	5	4.5	Đạt
47	050608200378	Nguyễn Thu	Hương	16/09/2001	HQ8-GE14	5.5	2.5	5.5	4.5	4.5	Đạt
48	050608200376	Hoàng Nguyễn Thanh	Hương	25/09/2002	HQ8-GE07	6.5	3.5	5	4.5	5.0	Đạt
49	050608200380	Trương Ngọc Quỳnh	Hương	02/01/2002	HQ8-GE11	5	4	7	3	5.0	Đạt
50	030136200255	Nguyễn Tuấn	Khải	05/07/2002	HQ8-GE05	5.5	4	4	5.5	5.0	Đạt
51	050608200397	Nguyễn Hữu	Khánh	04/11/2002	HQ8-GE13	4.5	4	4.5	5	4.5	Đạt
52	050608200394	Đỗ Gia	Khánh	29/06/2002	HQ8-GE02	5	3.5	6	4.5	5.0	Đạt
53	050608200403	Trần Ngọc Duy	Lam	24/06/2002	HQ8-GE17	4	3.5	5	5	4.5	Đạt
54	050608200404	Lê Thị Hương	Lan	04/06/2002	HQ8-GE16	4.5	3.5	6	4.5	4.5	Đạt
55	050608200406	Phùng Thị Hương	Lan	30/12/2002	HQ8-GE20	4.5	4	5	4.5	4.5	Đạt
56	050608200418	Nguyễn Khánh	Linh	01/10/2002	HQ8-GE03	5.5	2.5	6	4.5	4.5	Đạt
57	050608200422	Nguyễn Yên	Linh	22/02/2002	HQ8-GE15	5	3.5	5.5	4.5	4.5	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
58	050608200413	Huỳnh Nguyễn Phương Linh	12/07/2002	HQ8-GE12	5	4.5	5	4.5	5.0	Đạt
59	050608200419	Nguyễn Lê Ngọc Linh	20/05/2002	HQ8-GE05	6	4	5	5.5	5.0	Đạt
60	050608200427	Vũ Khánh Linh	03/09/2002	HQ8-GE17	5	5	7	3	5.0	Đạt
61	050608200416	Lê Ngọc Phương Linh	19/09/2002	HQ8-GE13	5	3.5	7	6	5.5	Đạt
62	050608200417	Lê Thị Thuý Linh	13/03/2002	HQ8-GE11	5.5	4	7.5	5.5	5.5	Đạt
63	050608200423	Phạm Huyền Khánh Linh	20/12/2002	HQ8-GE20	6.5	4	7.5	5.5	6.0	Đạt
64	050608200424	Trần Kiều Trúc Linh	16/11/2001	HQ8-GE11	7	5.5	9	5	6.5	Đạt
65	050608200432	Trần Tấn Lộc	14/08/2002	HQ8-GE12	5	3.5	5.5	5	5.0	Đạt
66	050608200086	Tăng Kim Lợi	30/08/2002	HQ8-GE12	6.5	3.5	5	5	5.0	Đạt
67	050608200433	Lê Thị Mỹ Lụa	22/02/2002	HQ8-GE15	6	3.5	5	5	5.0	Đạt
68	050608200435	Nguyễn Phạm Lưu Ly	30/09/2002	HQ8-GE07	7	4.5	4.5	5.5	5.5	Đạt
69	050608200438	Lê Hoàng Khánh Mai	22/07/2002	HQ8-GE03	6	4.5	6	5	5.5	Đạt
70	050608200087	Lê Xuân Mai	13/11/2002	HQ8-GE13	5.5	6	8.5	5.5	6.5	Đạt
71	050608200088	Ngô Thị Huyền Mai	19/02/2002	HQ8-GE11	5	6	9	5.5	6.5	Đạt
72	050608200090	Bùi Thị Diễm Mi	29/10/2002	HQ8-GE19	5.5	5.5	5.5	5	5.5	Đạt
73	050608200444	Nguyễn Đăng Minh	27/08/2002	HQ8-GE01	5	5	6	5	5.5	Đạt
74	050608200452	Nguyễn Thị Hà My	09/05/2002	HQ8-GE12	3.5	7	8.5	4	6.0	Đạt
75	050608200453	Trần Hoàng Thảo My	13/06/2002	HQ8-GE12	5	6.5	8	5	6.0	Đạt
76	050608200449	Nguyễn Hồng Hải My	19/03/2002	HQ8-GE02	5.5	6.5	8	5.5	6.5	Đạt
77	050608200454	Nguyễn Hoài Gia Mỹ	13/10/2002	HQ8-GE13	5.5	5	5.5	4.5	5.0	Đạt
78	050608200096	Trần Thị Hoài Nam	29/06/2002	HQ8-GE09	4	4	5	5	4.5	Đạt
79	050608200458	Trương Kim Hoàng Nam	14/10/2002	HQ8-GE19	4.5	3.5	4.5	5	4.5	Đạt
80	050608200456	Nguyễn Thị Long Nam	14/03/2002	HQ8-GE09	5.5	5	6	5.5	5.5	Đạt
81	050608200457	Trần Huỳnh Hoàng Nam	22/11/2000	HQ8-GE11	6	6	4	6	5.5	Đạt
82	050608200462	Nguyễn Võ Bảo Nga	13/10/2002	HQ8-GE19	3.5	2.5	7.5	4.5	4.5	Đạt
83	050608200100	Đặng Thị Kim Ngân	06/05/2002	HQ8-GE16	4	4	5	4.5	4.5	Đạt
84	050608200101	Nguyễn Kim Ngân	09/02/2002	HQ8-GE04	1.5	3.5	7.5	4.5	4.5	Đạt
85	050608200472	Phạm Trần Kim Ngân	20/08/2002	HQ8-GE12	3.5	3.5	6.5	4.5	4.5	Đạt
86	050608200473	Phan Thu Ngân	12/08/2002	HQ8-GE03	3	3.5	6.5	4.5	4.5	Đạt
87	050608200475	Trần Vũ Bảo Ngân	20/07/2002	HQ8-GE17	1.5	5	6	4.5	4.5	Đạt
88	050608200469	Nguyễn Thị Phương Ngân	07/09/2002	HQ8-GE03	4.5	3.5	7.5	4.5	5.0	Đạt
89	050608200102	Nguyễn Ngọc Ngân	30/09/2002	HQ8-GE17	5	4.5	8	5	5.5	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
90	050608200103	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2002	HQ8-GE14	4	6	7.5	5	5.5	Đạt
91	050608200476	Võ Thị Kim	Ngân	09/01/2002	HQ8-GE02	4	5.5	8	5	5.5	Đạt
92	050608200108	Trình Bảo	Ngân	04/01/2002	HQ8-GE14	5.5	5	8	5.5	6.0	Đạt
93	050608200463	Hồ Thị Thu	Ngân	08/07/2002	HQ8-GE03	5.5	5.5	7.5	5.5	6.0	Đạt
94	050608200466	Ngô Bảo	Ngân	02/05/2002	HQ8-GE02	5	4.5	8	5.5	6.0	Đạt
95	050608200470	Nguyễn Thoại Trúc	Ngân	01/03/2002	HQ8-GE02	5.5	5.5	8	5	6.0	Đạt
96	050608200474	Trần Hà	Ngân	23/11/2002	HQ8-GE13	4.5	6.5	8.5	5.5	6.5	Đạt
97	050608200478	Diệp Mẫn	Nghi	21/04/2002	HQ8-GE02	4.5	5.5	8	2.5	5.0	Đạt
98	050608200480	Trương Hiếu	Nghi	28/02/2002	HQ8-GE11	4.5	5	8	5	5.5	Đạt
99	050608200482	Nguyễn Phúc	Nghĩa	07/04/2002	HQ8-GE11	4.5	3.5	5.5	5	4.5	Đạt
100	050608200481	Nguyễn Ánh	Nghĩa	28/03/2001	HQ8-GE01	3	5.5	7.5	5.5	5.5	Đạt
101	050608200110	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	07/02/2002	HQ8-GE11	4.5	2.5	5	5	4.5	Đạt
102	050608200490	Nguyễn Khánh	Ngọc	24/12/2002	HQ8-GE10	5	3.5	5.5	4.5	4.5	Đạt
103	050608200111	Nguyễn Thiệu Bảo	Ngọc	21/03/2002	HQ8-GE15	4.5	3	6.5	5.5	5.0	Đạt
104	050608200113	Phan Lê Minh	Ngọc	18/07/2002	HQ8-GE12	5	3.5	5	5.5	5.0	Đạt
105	050608200491	Nguyễn Minh	Ngọc	21/06/2002	HQ8-GE02	4	3.5	7	5	5.0	Đạt
106	050608200494	Trần Lý Mỹ	Ngọc	16/03/2002	HQ8-GE05	5.5	6	5	5	5.5	Đạt
107	050608200115	Pang Tiêng K'	Ngôi	05/04/2002	HQ8-GE05	5.5	3.5	5.5	5.5	5.0	Đạt
108	050608200500	Nguyễn Trần Nhật	Nguyên	15/08/2002	HQ8-GE17	5	4.5	6	5	5.0	Đạt
109	050608200503	Võ Thanh	Nhã	01/01/2002	HQ8-GE04	5.5	6	6	5	5.5	Đạt
110	050608200506	Nguyễn Bảo Trí	Nhân	01/03/2002	HQ8-GE15	3	4	7	4	4.5	Đạt
111	050608200509	Trần Quốc	Nhân	01/04/2002	HQ8-GE11	4	4	5	4.5	4.5	Đạt
112	050608200507	Nguyễn Cao Thiện	Nhân	16/10/2002	HQ8-GE19	4.5	4	5	6	5.0	Đạt
113	050608200508	Nguyễn Hữu	Nhân	04/04/2002	HQ8-GE02	4	4.5	5.5	5.5	5.0	Đạt
114	050608200505	Dương Thị Thanh	Nhân	25/09/2002	HQ8-GE13	2.5	6	7.5	5.5	5.5	Đạt
115	050608200512	Trần Minh	Nhật	08/12/2002	HQ8-GE08	3.5	4	5	4.5	4.5	Đạt
116	050608200510	La Tiến	Nhật	07/04/2002	HQ8-GE16	5.5	4	5.5	4.5	5.0	Đạt
117	050608200511	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nhật	03/07/2002	HQ8-GE01	6	4.5	5	4	5.0	Đạt
118	030136200426	Mã Hoàng Quốc	Nhật	19/03/2002	HQ8-GE15	5	5	7	5	5.5	Đạt
119	050608200516	Huỳnh Tuyết	Nhi	27/12/2002	HQ8-GE20	4.5	4	5	4.5	4.5	Đạt
120	050608200526	Nguyễn Thị Bích	Nhi	07/12/2002	HQ8-GE01	4.5	4	4.5	4.5	4.5	Đạt
121	050608200124	Trịnh Thảo	Nhi	16/07/2002	HQ8-GE18	4	4.5	6	6	5.0	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
122	050608200533	Võ Thị Yên	Nhi	22/07/2002	HQ8-GE18	4.5	4.5	6	4.5	5.0	Đạt
123	050608200535	Vương Bích	Nhi	24/10/2002	HQ8-GE08	5	4.5	6	3.5	5.0	Đạt
124	050608200125	Vũ Yên	Nhi	01/09/2002	HQ8-GE18	5.5	4.5	6	5	5.5	Đạt
125	050608200515	Giả Thúy	Nhi	23/07/2002	HQ8-GE18	4.5	4.5	5.5	6.5	5.5	Đạt
126	050608200521	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Nhi	15/04/2002	HQ8-GE05	5.5	5	6	4.5	5.5	Đạt
127	050608200528	Trần Lê Hoàng	Nhi	21/08/2002	HQ8-GE18	5	6	5	5.5	5.5	Đạt
128	050608200120	Hoàng Thị Ngọc	Nhi	04/09/2002	HQ8-GE13	4.5	6	7.5	5.5	6.0	Đạt
129	050608200530	Trương Bảo	Nhi	12/01/2002	HQ8-GE02	6	6	5.5	5.5	6.0	Đạt
130	050608200129	Nguyễn Quỳnh	Như	12/10/2002	HQ8-GE19	4	5	4	5.5	4.5	Đạt
131	050608200128	Nguyễn Diễm Quỳnh	Như	10/01/2002	HQ8-GE14	5	5	4.5	5	5.0	Đạt
132	050608200543	Lê Đỗ Quỳnh	Như	25/08/2002	HQ8-GE18	5	3.5	6	4.5	5.0	Đạt
133	050608200539	Ngô Thị Cẩm	Nhung	30/09/2002	HQ8-GE01	4	5.5	6	6	5.5	Đạt
134	050608200537	Đỗ Thị Hồng	Nhung	16/06/2002	HQ8-GE02	6	5.5	6	5.5	6.0	Đạt
135	050608200130	Nguyễn Thị Quỳnh	Ni	29/11/2002	HQ8-GE20	3	5	6.5	5.5	5.0	Đạt
136	050608200563	Đỗ Nam	Phú	31/01/2002	HQ8-GE11	6	4	4	5	5.0	Đạt
137	050608200567	Mai Hồ Tấn	Phúc	23/06/2002	HQ8-GE18	5	3.5	6.5	6	5.5	Đạt
138	050608200570	Chu Huỳnh Minh	Phương	19/05/2001	HQ8-GE11	5	5	4	5.5	5.0	Đạt
139	050608200572	La Ngọc Thảo	Phương	26/05/2002	HQ8-GE02	4.5	3.5	6.5	5	5.0	Đạt
140	030336200216	Đỗ Minh	Quân	02/03/2002	HQ8-GE02	4	4	6	3.5	4.5	Đạt
141	030136200823	Nguyễn Mạnh	Quân	27/11/2001	HQ8-GE05	4.5	4.5	5.5	5.5	5.0	Đạt
142	050608200584	Nguyễn Ngọc	Quốc	08/01/2002	HQ8-GE11	5.5	5	6.5	5	5.5	Đạt
143	050608200588	Hà Trần	Quyên	11/04/2002	HQ8-GE16	4	2.5	6.5	4.5	4.5	Đạt
144	030536200158	Hoàng Thị Diễm	Quỳnh	08/05/2002	HQ8-GE01	3	4.5	6	5	4.5	Đạt
145	050608200136	Lê Diễm	Quỳnh	12/03/2002	HQ8-GE15	4.5	3.5	4	6	4.5	Đạt
146	050608200602	Phạm Diễm	Quỳnh	01/06/2002	HQ8-GE16	5	3	7	3.5	4.5	Đạt
147	050608200138	Thái Phạm Diễm	Quỳnh	28/07/2002	HQ8-GE06	3.5	5.5	6.5	4.5	5.0	Đạt
148	050608200596	Mạc Tôn Cát	Quỳnh	01/08/2002	HQ8-GE18	5.5	4.5	5.5	4.5	5.0	Đạt
149	050608200135	Cao Thị Như	Quỳnh	02/12/2002	HQ8-GE20	4	5.5	6.5	7.5	6.0	Đạt
150	050608200593	Dương Trần Xuân	Quỳnh	14/08/2002	HQ8-GE06	6.5	5.5	6.5	4.5	6.0	Đạt
151	050608200600	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	19/06/2002	HQ8-GE06	6	6	6	5.5	6.0	Đạt
152	050608200601	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/12/2002	HQ8-GE03	5.5	6	6	5.5	6.0	Đạt
153	050608200609	Trần Chí	Tài	15/02/2001	HQ8-GE14	5	4.5	6	3	4.5	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
154	050608200611	Nguyễn Minh Phúc	Tâm	10/12/2002	HQ8-GE20	5	5.5	6	4	5.0	Đạt
155	050608200615	Nguyễn Quốc	Tân	15/01/2002	HQ8-GE02	5.5	5.5	6	4.5	5.5	Đạt
156	050608200638	Lê Minh	Thái	30/07/2002	HQ8-GE06	5	6	6.5	4.5	5.5	Đạt
157	050608200659	Nguyễn Kim Vĩnh	Thắng	25/01/2002	HQ8-GE04	5.5	6	6	4.5	5.5	Đạt
158	050608200141	Mã Đức	Thắng	18/07/2002	HQ8-GE18	6	6	6.5	5	6.0	Đạt
159	050608200640	Ngô Lan	Thanh	20/02/2002	HQ8-GE02	5.5	6	6.5	5.5	6.0	Đạt
160	050608200644	Nguyễn Phú	Thành	20/10/2002	HQ8-GE13	4	5.5	6	6	5.5	Đạt
161	050608200654	Trần Thanh	Thảo	18/04/2002	HQ8-GE16	4.5	3	6	5	4.5	Đạt
162	050608200655	Trương Thị Phương	Thảo	25/02/2002	HQ8-GE15	3.5	4.5	6.5	4	4.5	Đạt
163	050608200646	Đặng Phương	Thảo	25/09/2002	HQ8-GE10	3.5	4.5	6	5.5	5.0	Đạt
164	050608200652	Trần Nguyễn Ngọc	Thảo	19/07/2002	HQ8-GE18	4	3.5	6	5.5	5.0	Đạt
165	050608200146	Lê Thanh	Thảo	02/05/2002	HQ8-GE01	4	5	6.5	6	5.5	Đạt
166	050608200649	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/10/2002	HQ8-GE13	4.5	5	6.5	5	5.5	Đạt
167	050608200650	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/09/2002	HQ8-GE18	4.5	5.5	6.5	5.5	5.5	Đạt
168	050608200661	Đặng Anh	Thi	12/09/2002	HQ8-GE18	4.5	5	6.5	5	5.5	Đạt
169	050608200662	Lê Phan Thanh	Thi	28/04/2002	HQ8-GE16	5	4.5	6.5	5.5	5.5	Đạt
170	050608200148	Lê Ngọc	Thiện	17/01/2002	HQ8-GE02	5	5.5	4.5	5.5	5.0	Đạt
171	050608200666	Nguyễn Trường	Thịnh	01/04/2002	HQ8-GE09	4.5	4	6	5.5	5.0	Đạt
172	050608200672	Trần Thị Anh	Thơ	19/05/2002	HQ8-GE16	2.5	4.5	6	4.5	4.5	Đạt
173	050608200671	Lê Thị Anh	Thơ	10/02/2002	HQ8-GE11	6	4.5	4.5	5	5.0	Đạt
174	050608200152	Nguyễn Thị Thiên	Thời	19/12/2002	HQ8-GE20	5.5	4.5	6.5	7	6.0	Đạt
175	050608200674	Nguyễn Hà Trang	Thu	11/02/2002	HQ8-GE11	2.5	4	6	5.5	4.5	Đạt
176	050608200673	Đào Thị Minh	Thu	09/12/2002	HQ8-GE10	7.5	7	6.5	5.5	6.5	Đạt
177	050608200694	Nguyễn Anh	Thư	30/07/2002	HQ8-GE18	3.5	5	6.5	4	5.0	Đạt
178	050608200689	Hà Anh	Thư	03/11/2002	HQ8-GE13	3	5	6	7.5	5.5	Đạt
179	050608200697	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/03/2002	HQ8-GE15	3.5	5	6.5	7.5	5.5	Đạt
180	050608200696	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	03/01/2002	HQ8-GE01	4	6.5	6	7.5	6.0	Đạt
181	050608200698	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/12/2002	HQ8-GE03	4.5	7	6.5	7.5	6.5	Đạt
182	050608200156	Nguyễn Ngọc	Thuận	11/03/2002	HQ8-GE15	6	6	6.5	5	6.0	Đạt
183	050608200675	Đặng Bảo Minh	Thuận	15/02/2002	HQ8-GE04	5	5	6.5	6.5	6.0	Đạt
184	050608200159	Phạm Nguyễn Như	Thủy	24/03/2002	HQ8-GE02	7.5	4.5	5	5.5	5.5	Đạt
185	050608200160	Hồ Lê Bảo	Thụy	14/11/2002	HQ8-GE13	4	4.5	4.5	5	4.5	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
186	050608200706	Nguyễn Anh Thy	19/04/2002	HQ8-GE16	3	4.5	5.5	5	4.5	Đạt
187	050608200707	Nguyễn Kim Thy	02/09/2002	HQ8-GE12	3	5	6	6.5	5.0	Đạt
188	050608200617	Đỗ Ngọc Thùy	31/01/2002	HQ8-GE14	4.5	4.5	6.5	2.5	4.5	Đạt
189	050608200620	Nguyễn Thị Thùy	23/11/2002	HQ8-GE13	5	4.5	5.5	4.5	5.0	Đạt
190	050608200163	Hồ Thị Mộng	05/04/2001	HQ8-GE09	6	6	6.5	3	5.5	Đạt
191	050608200164	Võ Ngọc Mỹ	12/09/2002	HQ8-GE18	6	6.5	5.5	5.5	6.0	Đạt
192	050608200622	Trần Thùy	22/08/2002	HQ8-GE10	6	6	6.5	6.5	6.5	Đạt
193	050608200625	Nguyễn Công Tới	20/01/2002	HQ8-GE14	5.5	6	6.5	8	6.5	Đạt
194	050608200732	Nguyễn Thị Bích Trâm	17/03/2002	HQ8-GE01	4	4	6	3	4.5	Đạt
195	050608200734	Trần Thị Hoài Trâm	15/04/2002	HQ8-GE16	5.5	5.5	3	4	4.5	Đạt
196	030536200235	Trần Thị Bích Trâm	20/10/2002	HQ8-GE01	4	4.5	6.5	4	5.0	Đạt
197	050608200168	Nguyễn Thị Kiều Trâm	21/10/2002	HQ8-GE19	5	5	6.5	5.5	5.5	Đạt
198	050608200727	Ngô Thị Ngọc Trâm	15/02/2002	HQ8-GE11	5	6	6.5	4	5.5	Đạt
199	050608200169	Nguyễn Thị Thanh Trâm	26/06/2002	HQ8-GE06	5.5	6	6.5	7	6.5	Đạt
200	050608200735	Lê Nguyễn Quỳnh Trân	23/03/2002	HQ8-GE15	5.5	6	4	4.5	5.0	Đạt
201	050608200738	Trương Bích Trân	23/10/2002	HQ8-GE08	4	5.5	6.5	5	5.5	Đạt
202	050608200736	Nguyễn Võ Bảo Trân	02/12/2002	HQ8-GE20	6	6	6.5	7	6.5	Đạt
203	050608200173	Nguyễn Đặng Đoan Trang	29/12/2002	HQ8-GE01	4	5	6.5	7	5.5	Đạt
204	050608200175	Trương Thị Quỳnh Trang	30/10/2002	HQ8-GE19	4	6	6	6	5.5	Đạt
205	050608200715	Đoàn Thùy Trang	19/02/2002	HQ8-GE15	4	5	6.5	5.5	5.5	Đạt
206	050608200725	Vũ Thị Thanh Trang	29/06/2002	HQ8-GE06	4	5	6	6	5.5	Đạt
207	050608200174	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	03/12/2002	HQ8-GE20	5	6	6.5	5.5	6.0	Đạt
208	050608200714	Đoàn Hào Trang	01/10/2002	HQ8-GE18	5	5	6.5	6.5	6.0	Đạt
209	050608200721	Nguyễn Ngọc Phương Trang	18/11/2002	HQ8-GE08	6	6.5	6.5	6.5	6.5	Đạt
210	050608200741	Tô Hoàng Trinh	10/09/2001	HQ8-GE14	5	4.5	4	6	5.0	Đạt
211	050608200742	Trần Mai Trinh	10/01/2002	HQ8-GE11	5.5	4.5	4	5.5	5.0	Đạt
212	050608200743	Trần Thị Xuân Trinh	14/12/2002	HQ8-GE08	5	7	6	7.5	6.5	Đạt
213	050608200745	Lê Thị Thanh Trúc	09/04/2002	HQ8-GE11	4.5	6.5	5	6	5.5	Đạt
214	050608200180	Đặng Nguyễn Hồng Trúc	13/04/2002	HQ8-GE05	5	7	6	6	6.0	Đạt
215	050608200630	Trần Thị Cẩm Tú	21/03/2002	HQ8-GE09	4.5	5	3.5	5.5	4.5	Đạt
216	050608200628	Phạm Minh Tú	03/09/2002	HQ8-GE07	4	6	5.5	5	5.0	Đạt
217	050608200626	Lê Đoàn Tuấn Tú	14/11/2002	HQ8-GE20	4.5	6.5	6	6.5	6.0	Đạt

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	NÓI	NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG (quy đổi theo IELTS)	GHI CHÚ
218	030336200242	Nguyễn Thái Tuấn	14/08/2002	HQ8-GE18	4.5	4	4	4.5	4.5	Đạt
219	050608200637	Nguyễn Thị Cát Tường	17/10/2002	HQ8-GE19	4.5	4.5	4.5	6	5.0	Đạt
220	050608200186	Trần Quốc Tuyên	13/10/2002	HQ8-GE13	5.5	4	3.5	4.5	4.5	Đạt
221	050608200753	Hồ Ngọc Bảo Uyên	26/11/2002	HQ8-GE01	5	4.5	4.5	4.5	4.5	Đạt
222	050608200756	Trần Đình Khánh Uyên	01/07/2002	HQ8-GE06	6	7	6.5	7.5	7.0	Đạt
223	050608200761	Nguyễn Ngọc Thảo Vân	11/11/2002	HQ8-GE20	V	6	6.5	5.5	4.5	Đạt
224	050608200759	Chu Thị Cẩm Vân	03/08/2002	HQ8-GE03	3.5	6	6	4.5	5.0	Đạt
225	050608200194	Nguyễn Thị Kiều Vân	19/08/2002	HQ8-GE18	1.5	6	6.5	7.5	5.5	Đạt
226	050608200760	Ngô Thùy Vân	27/03/2002	HQ8-GE02	5	6	6	5.5	5.5	Đạt
227	050608200764	Lê Vi	15/03/2002	HQ8-GE09	4.5	3	4	6	4.5	Đạt
228	050608200784	Nguyễn Thanh Vy	07/01/2002	HQ8-GE02	4	3.5	6	3.5	4.5	Đạt
229	050608200775	Lâm Triệu Vy	22/07/2002	HQ8-GE06	5	4	6	5.5	5.0	Đạt
230	050608200788	Từ Thị Nhật Vy	26/04/2002	HQ8-GE15	5	6.5	6.5	2.5	5.0	Đạt
231	050608200789	Trần Phương Vy	10/02/2002	HQ8-GE15	4.5	4.5	5.5	5	5.0	Đạt
232	050608200199	Lê Thùy Diễm Vy	11/11/2002	HQ8-GE08	5.5	5	5.5	5	5.5	Đạt
233	050608200774	Đỗ Ngọc Quỳnh Vy	15/12/2002	HQ8-GE03	4.5	6.5	6	5	5.5	Đạt
234	050608200782	Nguyễn Minh Vy	05/11/2002	HQ8-GE03	4.5	5.5	6	5	5.5	Đạt
235	050608200785	Nguyễn Thị Xuân Vy	01/10/2002	HQ8-GE18	4.5	6	6	5	5.5	Đạt
236	050608200203	Võ Thị Như Ý	10/06/2002	HQ8-GE18	2.5	4.5	6	4.5	4.5	Đạt
237	050608200794	Huỳnh Lê Như Ý	04/12/2002	HQ8-GE08	3.5	4	6	5	4.5	Đạt
238	050608200796	Trần Như Ý	27/07/2002	HQ8-GE10	4	5	6	4.5	5.0	Đạt
239	050608200797	Vòng Chen Yao	23/06/2002	HQ8-GE18	4	5	6	4	5.0	Đạt
240	030436200235	Phan Thị Hải Yến	05/10/2002	HQ8-GE20	4.5	4	5	5	4.5	Đạt
241	050608200799	Lê Hoàng Yến	11/04/2002	HQ8-GE05	4.5	4	4.5	4	4.5	Đạt
242	050608200803	Nguyễn Thị Hải Yến	04/12/2002	HQ8-GE03	4	5	4.5	4	4.5	Đạt
243	050608200801	Nguyễn Ngọc Hải Yến	05/12/2002	HQ8-GE13	3.5	6	6	5	5.0	Đạt
244	050608200804	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/09/2002	HQ8-GE13	4.5	5.5	5.5	3.5	5.0	Đạt
245	050608200808	Phạm Ngọc Hồng Yến	14/01/2002	HQ8-GE11	4	5.5	6	4.5	5.0	Đạt

Tổng: 245 sinh viên ✓

VIỆT MAMA

JK